TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 11 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Mai Chí Dũng.

Bà: Nguyễn Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'krông- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phú K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19 tháng 01 năm 2015. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng một năm, đến tháng 3 năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp nhau. Vợ chồng chung sống cùng với mẹ chồng nên giữa chị và mẹ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, xích mích nhau. Đặc biệt, từ sau khi sinh con thì tình cảm vợ chồng cũng như mối quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu càng ngày càng mâu thuẫn hơn, không tìm được tiếng nói chung. Anh K nghe lời mẹ nên thường xuyên xúc phạm, hắt hủi thậm chí có hành vi đánh đập chị D nhiều lần. Đến tháng 11 năm 2016 do không thể tiếp tục chịu đựng cảnh chồng đánh đập nên chị D đã dẫn con về sinh sống với bố mẹ ruột của mình tại thôn T, xã Đ, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Hiện nay, chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phú K.

Về con chung: Quá trình sống chung chị D và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Phú Thành Đ, sinh ngày 30/3/2016. Hiện nay, cháu Đ đang sống cùng với chị D tại thôn T, xã Đ, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị D có nguyện vọng muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 bị đơn là anh Nguyễn Phú K trình bày: Anh đồng ý với ý kiến của chị D về việc xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Còn

mâu thuẫn vợ chồng theo anh là bắt đầu phát sinh từ thời điểm vào tháng 8 năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D không lo chăm sóc con cái. Do bức xúc và không giữ được bình tĩnh nên anh K đã đánh chị D. Ngay thời điểm đó thì phía gia đình bố mẹ chị D đã đưa 2 mẹ con chị về thôn T, xã Đ, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K thì anh không đồng ý vì theo anh mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chỉ là những xích mích nhỏ chưa đến mức phải ly hôn và vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được.

Về con chung: Anh K thừa nhận quá trình chung sống anh và chị D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phú Thành Đ, sinh ngày 30/3/2016. Do anh K không đồng ý ly hôn nên anh không chấp nhận giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao cháu Đ cho chị D nuôi dưỡng thì anh K không đồng ý với mức cấp dưỡng 2.500.000đ/tháng theo yêu cầu của chị D đưa ra vì anh đang phải nuôi mẹ già và một người con riêng của vợ cũ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thu nhập của vợ chồng anh K chị D tại nơi cư trú xác định: Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị D và anh K xảy ra nhiều lần từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và lối sống giữa hai vợ chồng cũng như mối quan hệ giữa mẹ chồng với con dâu không hòa hợp nhau, anh cũng K có hành vi bạo lực gia đình đối với chị D. Về nghề nghiệp của anh K là thợ sửa chữa xe máy, còn chị D trước khi kết hôn là giáo viên mầm non dạy hợp đồng nhưng từ khi lấy chồng thì nghỉ dạy học và về phụ giúp anh K công việc gia đình, thu nhập của vợ chồng cụ thể bao nhiêu thì chính quyền địa phương không biết rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại hai phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc ly hôn với anh Nguyễn Phú K. Giao cháu Nguyễn Phú Thành Đ, sinh ngày 30/3/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đ theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Trích lục kết hôn của anh K và chị D; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Phú Thành Đ; Biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thu nhập của anh K và chị D; Bản tự khai của chị D và anh K tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với anh Nguyễn Phú K, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk. Anh Nguyễn Phú K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắk căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị D xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 19/01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Phú K và chị Nguyễn Thị D là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy

nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh K và chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do lối sống và tính cách của hai vợ chồng cũng như mối quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu không hòa hợp. Hai bên không cùng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Thậm chí, anh K còn có hành vi bạo lực gia đình với chị D nên chị D bỏ về nhà bố mẹ ruột của mình sống ly thân với anh K từ tháng 11 năm 2016 đến nay, các bên đều bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, giữa anh K và chị D đã có hành vi bạo lực gia đình, đồng thời vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc ly hôn với anh Nguyễn Phú K.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Phú K có 01 con chung là cháu Nguyễn Phú Thành Đ, sinh ngày 30/3/2016. Tại thời điểm xét xử cháu Đ đang còn dưới 36 tháng tuổi và chị D có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đ/tháng. Mức cấp dưỡng này là cao so với khả năng và điều kiện thực tế của anh K, bởi lẽ anh K làm nghề sửa chữa xe máy có mức thu nhập trung bình lại phải nuôi mẹ già và đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho một người con riêng của vợ cũ hàng tháng là 01 triệu đồng. Mặc khác, tại phiên tòa chị D khai kể từ ngày sống ly thân với anh K cho đến nay mỗi tháng chị phải chi phí hết 3.000.000 đồng để nuôi cháu Đ. Vì vậy, chỉ buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đ với mức 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Phú K phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Phú K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Thành Đ, sinh ngày 30/3/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Nguyễn Phú K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ định kỳ hàng tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu Đ đủ tuổi thành niên. Không ai được cản trở việc đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh K. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0035173 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ. Anh Nguyễn Phú K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định